

Sao kê chi tiết từ **14/04/2016** đến **14/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **15/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				2,797,686,469.00		
14/04/2016	14/04/2016	TRAN DUY BINH NOP TIEN HOC PHI 2015/2016 SV TRAN HONG NHUNG MSSV 382753 LOP 3827	190NT02161050001		6,450,000.00	2,804,136,469.00
14/04/2016	14/04/2016	SV NGO THU UYEN MSV 392562 LOP 3925 NOP HOC PHI HK 2 NAM 2015-2016	122NT01161050004		2,160,000.00	2,806,296,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRIEU THI THAO MSV 380203 LOP 3802 DONG TIEN HOC PHI HOC KI II 2015-2016	120NT01161050001		3,240,000.00	2,809,536,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HUA THI NHAN MSSV 382303 NT HOC	120NT01161050002		2,700,000.00	2,812,236,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI BICH NGUYEN - NOP HOC PHI KHOA 37 MA SO SV: 372701~NC:NGUYEN THI BICH NGUYEN - Nguoi chuyen: NGUYEN THI BICH NGUYEN	001CTD1161050041		2,520,000.00	2,814,756,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THANH HUYEN MSSV: 371470 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	121NT01161050003		1,440,000.00	2,816,196,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI THOM NOP TIEN HOC PHI K39 MSSV:392249	102NT01161050004		3,240,000.00	2,819,436,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE HOANG TRA MY, MSSV: 382010, NT HOC PHI KY II NAM 2016 VAO TK TRUONG DHL HN	100NT01161050001		3,420,000.00	2,822,856,469.00
14/04/2016	14/04/2016	MA THI THAO MSSV 371805 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050003		1,260,000.00	2,824,116,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI THU HUONG MSV 382565 NOP TIEN HOC PHI HK 2 NAM 2015-2016	250NT02161050001		6,450,000.00	2,830,566,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN VAN HOAN MSSV 391024 NOP HOC PHI II	103NT01161050004		3,240,000.00	2,833,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI HONG NGOC MSSV: 392909 NTHP	120NT01161050003		3,060,000.00	2,836,866,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HO VA TEN SV: QUACH THU HANG MSSV: 380101 LOP 3801 N THP HK 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161050004		3,600,000.00	2,840,466,469.00

14/04/2016	14/04/2016	HA VI LOAN MSSV: 392230 NTHP	120NT01161050005		3,060,000.00	2,843,526,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI MAI HUONG MSSV: 382112 NTHP	120NT01161050006		3,240,000.00	2,846,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	XUONG THI THANH DUNG MSSV: 391106 NTHP	120NT01161050007		3,240,000.00	2,850,006,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI CHAM MSSV: 382118 NTHP	120NT01161050008		3,240,000.00	2,853,246,469.00
14/04/2016	14/04/2016	Nguyen Truc Quynh MSV 391281~NC:Nguyen Truc Quynh - Nguoi chuyen: Nguyen Truc Quynh	001CTD1161050101		6,450,000.00	2,859,696,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THU TRANG MSSV:380632 LOP 3806 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161050006		3,420,000.00	2,863,116,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG THI DIEM QUYNH MSSV: 380614 NTHP	120NT01161050009		3,600,000.00	2,866,716,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THUY HIEN MAY MSSV: 391318 NTHP	120NT01161050010		2,700,000.00	2,869,416,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUU THI HONG HANH MSSV: 391323 NTHP	120NT01161050011		2,700,000.00	2,872,116,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THUY HANG MSSV: 380823 NTHP	120NT01161050012		3,420,000.00	2,875,536,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TUONG THI TUOI MSSV: 370856 NTHP	120NT01161050013		1,080,000.00	2,876,616,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NOP TIEN HOC PHI KY 2 CHO SV DO THI HONG NHUNG MSSV 372328	320NT02161050001		1,800,000.00	2,878,416,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAN NGAN HANH MSV 381262 NT	120NT01161050014		3,240,000.00	2,881,656,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUONG THI MY HUYEN MSV 391355 NT	120NT01161050015		3,060,000.00	2,884,716,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI LIEN MSV 371458 NT	120NT01161050016		2,340,000.00	2,887,056,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE TRONG HIEN MSV 390426 NT	120NT01161050017		3,060,000.00	2,890,116,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI BICH LIEN MSV 371462 NT	120NT01161050018		1,800,000.00	2,891,916,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI KIM TUYEN MSV 382466 NT	120NT01161050019		2,700,000.00	2,894,616,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HUYEN TRANG MSSV 382756 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050005		3,330,000.00	2,897,946,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI THUY TRANG MSV 382458 NT	120NT01161050020		2,700,000.00	2,900,646,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI PHUONG MSV 381719 NT	120NT01161050021		2,700,000.00	2,903,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRIEU THI LY MSV 371009 NT	120NT01161050022		1,800,000.00	2,905,146,469.00
14/04/2016	14/04/2016	CHE THI MAI PHUONG MSV 382415 NT	120NT01161050023		2,700,000.00	2,907,846,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRINH VIET ANH MSSV 390350 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050006		2,880,000.00	2,910,726,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM ANH HUNG MSSV 390345 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050007		3,240,000.00	2,913,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI PHUONG THUY MSSV 382614 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050008		2,700,000.00	2,916,666,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI THANH MAI MSSV 381644 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050009		3,240,000.00	2,919,906,469.00

14/04/2016	14/04/2016	DANG THI HA MSSV 391029 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050010		3,600,000.00	2,923,506,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRUONG HONG NGOC MSSV 381656 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050011		2,700,000.00	2,926,206,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGO THI THUY DUONG MSV 380839 NT	120NT01161050024		3,420,000.00	2,929,626,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THUY MSSV 390844 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050012		1,440,000.00	2,931,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DINH THI THUY LINH MSSV: 392913 NTHP	120NT01161050025		3,060,000.00	2,934,126,469.00
14/04/2016	14/04/2016	MA VAN CHINH MSSV: 390411 NTHP	120NT01161050026		3,420,000.00	2,937,546,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRIEU THI XUYEN MSSV: 381605 NTHP	120NT01161050027		3,420,000.00	2,940,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VAN THI THUY MSSV: 370860 NTHP	120NT01161050028		1,980,000.00	2,942,946,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI QUYNH CHAM MSSV: 390329 NTHP	120NT01161050029		3,420,000.00	2,946,366,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI NGOC KHANH MSSV: 381258 NOP HOC PHI	120NT01161050030		3,600,000.00	2,949,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI THUY LINH MSSV: 381267 NTHP	120NT01161050031		3,420,000.00	2,953,386,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG DUC NGOC MSSV: 382427 NTHP	120NT01161050032		2,700,000.00	2,956,086,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAN THI MINH NGUYET MSV 371767 LOP 3717 DONG TIEN HOC PHI HOC KI II 2015-2016	120NT01161050033		1,080,000.00	2,957,166,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN VAN TRUONG MSSV: 382437 NTHP	120NT01161050034		2,700,000.00	2,959,866,469.00
14/04/2016	14/04/2016	KHA THI THANH LOAN MSV 370741 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01161050035		1,260,000.00	2,961,126,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI BICH THEU MSSV: 381227 NOP HOC PHI HK2: 2015-2016	120NT01161050036		4,140,000.00	2,965,266,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HOA MSSV: 381129 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161050037		3,420,000.00	2,968,686,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HANH NHUNG MSV 380702 NT	120NT01161050038		3,600,000.00	2,972,286,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN MY LINH - 393030 NOP TIEN HOC PHI	121NT01161050006		14,040,000.00	2,986,326,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN DUY HUU NGHIA MSSV 381966 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050013		3,600,000.00	2,989,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI PHUONG THAO MSSV 381929 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050014		3,600,000.00	2,993,526,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DINH MINH THU, MSV: 392242 NT HOC PHI	280NT02161050001		3,240,000.00	2,996,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DUONG VAN TRONG MSSV 381939 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050015		3,600,000.00	3,000,366,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THANH HOAI MSSV: 371208 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161050039		1,260,000.00	3,001,626,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUONG THI UYEN MSSV:370247 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161050040		1,980,000.00	3,003,606,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN VAN TRUONG MSV 370976 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01161050041		2,700,000.00	3,006,306,469.00

14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI MINH PHUONG MSV 390418 NT HOC KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01161050042		3,600,000.00	3,009,906,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN PHUONG NGA MSV 380541 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01161050043		3,420,000.00	3,013,326,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LAI THI TRINH MSV 380528 NT HOC KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01161050044		3,600,000.00	3,016,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LOC DIEU LINH MSSV 372831 LOP 3728 KHOA 37 NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016	120NT01161050045		1,800,000.00	3,018,726,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HOANG THU THAO MSSV: 372153 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	113NT01161050003		1,800,000.00	3,020,526,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI NGOC ANH MSV 390314 NT HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01161050046		3,240,000.00	3,023,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI HAI MSSV 381120NT HP	120NT01161050047		3,420,000.00	3,027,186,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI HANH MSSV 390320 NT	120NT01161050048		3,600,000.00	3,030,786,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HA THANH PHUC MSV 382451 NT HP	120NT01161050049		2,700,000.00	3,033,486,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NOP HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016: 1.440.000 VND HO VA TEN SV NOP : LE THI NGAN MSSV : 370776	122NT01161050006		1,440,000.00	3,034,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN ANH HIEU MSSV 390328 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050017		3,420,000.00	3,038,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM HONG DUC MSSV 381953 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050018		3,600,000.00	3,041,946,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE BICH NGOC MSSV 382228 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050019		3,240,000.00	3,045,186,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI HANH PHUC MSSV: 380844 NTHP	120NT01161050051		3,600,000.00	3,048,786,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN MINH TU MSSV: 382151 NTHP(HOC KY2)	120NT01161050052		3,240,000.00	3,052,026,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HOANG MINH MSSV: 380838 NTHP	120NT01161050053		3,600,000.00	3,055,626,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DUONG THI THAO DIEM MSSV: 381313 NTHP	120NT01161050054		3,600,000.00	3,059,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NOP HOC PHI TRINH KHANH LINH MSSV: 370333 LOP 3703 KHOA 37 CMND:017768426	120NT01161050055		2,520,000.00	3,061,746,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM VAN TUAN MSSV: 391402 NTHP	120NT01161050056		3,600,000.00	3,065,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NONG THI OANH MSSV: 381314 NTHP	120NT01161050057		3,780,000.00	3,069,126,469.00
14/04/2016	14/04/2016	CHU HA PHUONG MSSV: 391354 NTHP	120NT01161050058		2,880,000.00	3,072,006,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUONG BAO YEN MSSV: 391636 NTHP	120NT01161050059		3,240,000.00	3,075,246,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HOANG BAO NGAN MSSV: 382353 NTHP	120NT01161050060		2,700,000.00	3,077,946,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUONG THI THUY LINH MSSV: 380310 NTHP	120NT01161050061		3,600,000.00	3,081,546,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HOA MSSV:371021 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II :2015-2016	101NT01161050003		540,000.00	3,082,086,469.00

14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HUU TUNG MSV 381156 NT	120NT01161050062		3,420,000.00	3,085,506,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGO THUY TRANG MSV 381941 NT	120NT01161050063		3,420,000.00	3,088,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI CHUC MSV 381161 NT	120NT01161050064		3,420,000.00	3,092,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI HONG MSV 372516 NT	120NT01161050065		1,800,000.00	3,094,146,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM THI HONG DIEP MSSV: 391661 NTHP	120NT01161050066		2,880,000.00	3,097,026,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM THI HONG ANH MSSV: 391660 NTHP	120NT01161050067		2,880,000.00	3,099,906,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN DUC ANH MSSV 372126 NOP HP K2 NAM HOC 2015-2016	105NT01161050009		2,160,000.00	3,102,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG MINH TAN MSSV 372219 NOP HP K2 NAM HOC 2015-2016	105NT01161050010		1,800,000.00	3,103,866,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGO CHU ANH MSSV: 391668 NTHP	120NT01161050068		2,880,000.00	3,106,746,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRIEU THI CANH MSSV: 391829 NTHP	120NT01161050069		2,880,000.00	3,109,626,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DAM THI MUOI XOAN MSSV: 381312 NT HOC PHI	100NT01161050005		3,600,000.00	3,113,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE HOAI THUONG MSV 381343 NT	120NT01161050070		3,600,000.00	3,116,826,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN LINH CHI MSV 391658 NT	120NT01161050071		2,880,000.00	3,119,706,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN MANH CUONG MSV 380549 NT	120NT01161050072		3,600,000.00	3,123,306,469.00
14/04/2016	14/04/2016	SINH VIEN LE THI YEN MSV:371769 NGAY SINH 2/12/1993 NT HOC PHI KY 8	002NP03161050001		2,160,000.00	3,125,466,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DONG HOC PHI KY II NAM 2015-2016 SV NGUYEN NGOC SON,MSSV:371874	115NT01161050004		1,260,000.00	3,126,726,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG BAO LINH, MSSV:382226. LOP 3822 NOP HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	100NT01161050010		3,240,000.00	3,129,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM QUE HA VI MSSV 393162 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050020		3,240,000.00	3,133,206,469.00
14/04/2016	14/04/2016	CT mÃ£ SV: 392064~NC:NGUYEN DUC MANH - Nguoi chuyen: NGUYEN DUC MANH	001CTD1161050247		4,320,000.00	3,137,526,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRINH THI DUNG.MSSV:382647.HOC PHI KY II.NAM 2015-2016	120NT01161050073		2,700,000.00	3,140,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE DUC THUAN. MSSV: 371653	120NT01161050074		3,600,000.00	3,143,826,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM VAN ANH.MSSV:382247.LOP 3822.NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01161050075		3,240,000.00	3,147,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG THI NGOC ANH.MSSV: 381271	120NT01161050076		3,420,000.00	3,150,486,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DOAN THI THUC ANH.MSSV: 382152	120NT01161050077		4,320,000.00	3,154,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THUY.MSSV:381002	120NT01161050078		3,240,000.00	3,158,046,469.00

14/04/2016	14/04/2016	NHAM THI VAN ANH MSSV 371327 NOP HP KY 2 NH 2015-2016	121NT01161050008		720,000.00	3,158,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HO VA TEN SINH VIEN: PHAM THI LAN HUONG, MA SO SINH VIEN 380557~NC:PHAM THI LAN HUONG - Nguoi chuyen: PHAM THI LAN HUONG	001CTD1161050220		3,600,000.00	3,162,366,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HUYEN QUYEN MSSV 381104 NT HOC PHI	120NT01161050079		3,420,000.00	3,165,786,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI HANG MSV 381821 NT HOC	120NT01161050080		3,420,000.00	3,169,206,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM ANH TUAN MSSV 371227 NT HOC	120NT01161050081		720,000.00	3,169,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHUNG THI NGOC MSSV 381058 NT HOC	120NT01161050082		3,420,000.00	3,173,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HA HONG NHUNG MSSV 381067 NT HOC	120NT01161050083		3,420,000.00	3,176,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN TA BINH DUONG MSSV 390567 NT HOC	120NT01161050084		2,520,000.00	3,179,286,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN DIEU LINH (390565) NT HOC	120NT01161050085		2,520,000.00	3,181,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HIEN PHUONG MSSV: 380548 NTHP	120NT01161050088		3,420,000.00	3,185,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI MY DUYEN.MSSV: 370234.NOP TIEN HOC PHI	120NT01161050089		2,160,000.00	3,187,386,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI MY HANH.MSSV:370226	120NT01161050093		1,800,000.00	3,189,186,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI CHI MAI MSV 382218 NT	120NT01161050094		3,240,000.00	3,192,426,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI NGU.MSSV: 382439. NOP HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161050095		2,700,000.00	3,195,126,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRINH THI PHUONG. MSSV:382436	120NT01161050096		2,700,000.00	3,197,826,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI PHUONG.LOP 3910. MSSV: 391080	120NT01161050097		8,600,000.00	3,206,426,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VUONG THANH HANG.MSSV:391107	120NT01161050098		3,420,000.00	3,209,846,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU VIET HUNG.MSSV: 381448	120NT01161050099		3,420,000.00	3,213,266,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HONG QUAN.MSSV: 382515	120NT01161050100		2,700,000.00	3,215,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE VAN LOI.MSSV: 370658	120NT01161050101		1,800,000.00	3,217,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI LAN ANH.MSSV: 392813	120NT01161050102		2,160,000.00	3,219,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI DIEU LINH.MSSV: 392816	120NT01161050103		2,880,000.00	3,222,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG CAM TU.MSSV: 390919	120NT01161050104		3,420,000.00	3,226,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGO THI HANH MSSV 392643 DONG HOC PHI HK1 2016-2017	105NT01161050013		2,160,000.00	3,228,386,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DO THI KIM OANH MSSV 372243 NT	120NT01161050107		1,800,000.00	3,230,186,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THAO VY MSSV 372255 NT	120NT01161050108		1,800,000.00	3,231,986,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI LAN MSSV 371350 NT	120NT01161050111		1,980,000.00	3,233,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PO THI KIEU NOP TIEN HOC PHI HOC KI II NAM HOC 2015-2016 MSSV: 392202 LOP 3922 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161050007		2,880,000.00	3,236,846,469.00
14/04/2016	14/04/2016	KHUC THI THU MSV:391928, NOP HP KY II -NAM 2	123NT01161050006		3,240,000.00	3,240,086,469.00

14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HUU TUAN MSV:371877 LOP 3718 KHOA 37 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161050014		3,060,000.00	3,243,146,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG DA THAO MY MSSV 382815 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050023		2,700,000.00	3,245,846,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THUY LINH MSSV 381507 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050025		3,060,000.00	3,248,906,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TC:7B0400057.NGO THI THANH THUY MA SV 371060 KHOA LUAT HINH SU DONG HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016~NC:NGO THI THANH THUY - Nguoi chuyen: NGO THI THANH THUY	001CTD1161050391		720,000.00	3,249,626,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUONG NHAT LE MSSV 391629	120NT01161050112		3,600,000.00	3,253,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THU TRANG MSSV 382755 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050027		2,700,000.00	3,255,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGO SON TUNG MSSV 371445 NT	120NT01161050114		2,880,000.00	3,258,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	GIAO DICH ATM	001ZATM16105020X		3,240,000.00	3,262,046,469.00
14/04/2016	14/04/2016	ONG THI PHUONG ANH, MA SINH VIEN: 352243~NC:ONG THI PHUONG ANH - Nguoi chuyen: ONG THI PHUONG ANH	001CTD1161050514		720,000.00	3,262,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE NGOC ANH MSSV:382315 LOP 3823 DAI HOC LUAT HA NOI NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	123NT01161050008		2,700,000.00	3,265,466,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NOP TIEN HOC PHI HOC KY II (2015-2016) NGUYEN LE QUYNH, MSV:392669 LOP 3926	260NT02161050001		5,160,000.00	3,270,626,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI THU HUONG MSSV 390452 LOP 3904 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161050017		3,060,000.00	3,273,686,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HOA MSSV:390445 LOP 3904 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161050018		3,060,000.00	3,276,746,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHUNG THI HOA MSSV:391111 NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016	101NT01161050010		2,700,000.00	3,279,446,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI HUONG MSSV:390454 LOP 3904 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161050019		3,060,000.00	3,282,506,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI HANG MSV: 371225 LOP: 3712 NOP TIEN HOC PHI HK2 NAM HOC 2016	124NT01161050020		1,080,000.00	3,283,586,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI PHUONG THAO MSV 382221 NT HP	120NT01161050116		3,240,000.00	3,286,826,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSV 382237 NTHP	120NT01161050117		3,240,000.00	3,290,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TANG BA DUY MSV 382210 NT	120NT01161050118		3,240,000.00	3,293,306,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRINH PHUONG THAO MSV 390116 NTHP	120NT01161050120		3,420,000.00	3,296,726,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DOAN KHANH LY MSV 392531 NTHP	120NT01161050121		2,160,000.00	3,298,886,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI THAO MSV 370115 NT HP	120NT01161050122		1,260,000.00	3,300,146,469.00

14/04/2016	14/04/2016	LE HAI YEN MSV 370125 NT HP	120NT01161050123		1,440,000.00	3,301,586,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI PHUONG THAO NOP TIEN HOC PHI 18 TIN*180.000=3.240.000 VND,MSSV: 380325	102NT01161050008		3,240,000.00	3,304,826,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI THAO MSSV 381005 NOP HOC PHI HOC KI 2 NAM 2016	120NT01161050124		3,240,000.00	3,308,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUONG THI MINH NGOC MSSV 391435 NT	120NT01161050125		3,960,000.00	3,312,026,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN KHANH LINH - MSV 392550 - NOP HOC PHI NAM HOC 2016	431NT02161050001		2,160,000.00	3,314,186,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LY THI DUNG MSSV 370276 NT HP	120NT01161050126		1,080,000.00	3,315,266,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN MINH HUYEN MSV 391270 NT	120NT01161050127		7,740,000.00	3,323,006,469.00
14/04/2016	14/04/2016	MAI TUYET NHUNG MSSV 391312 NT	120NT01161050128		2,880,000.00	3,325,886,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DUONG HONG HANH MSSV 392516 NT	120NT01161050129		2,160,000.00	3,328,046,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI LAN MSV 381102 NT	120NT01161050130		3,420,000.00	3,331,466,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM DAI NGHIA MSSV 380267 NT	120NT01161050131		3,240,000.00	3,334,706,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI MINH ANH MSSV 393025 NT HOC	120NT01161050132		3,060,000.00	3,337,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN TRI DUNG MSSV 382146 NT	120NT01161050133		3,240,000.00	3,341,006,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI ANH VU MSV 381056 NT	120NT01161050134		3,060,000.00	3,344,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI HIEN LUONG.MSSV: 392513	120NT01161050136		2,160,000.00	3,346,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE VAN TIEN.MSSV: 381720	120NT01161050137		3,240,000.00	3,349,466,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI THAO HIEN. MSSV: 371713	120NT01161050138		1,620,000.00	3,351,086,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI THUY DUNG.MSSV: 371450	120NT01161050139		2,340,000.00	3,353,426,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI MY HANH.MSSV:370226	120NT01161050140		1,800,000.00	3,355,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM HUONG.MSSV: 381737	120NT01161050141		3,420,000.00	3,358,646,469.00
14/04/2016	14/04/2016	CHUC THI HUYEN MSSV 380522 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050029		2,700,000.00	3,361,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THANH MSSV 372557 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161050030		1,800,000.00	3,363,146,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HIEN MSSV 380334 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050031		3,240,000.00	3,366,386,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LY THI THO MSSV 371644 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161050032		720,000.00	3,367,106,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI THAO MSSV 370629 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050033		2,700,000.00	3,369,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	MA THI KHANH PHUONG MSSV 380503 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050034		3,420,000.00	3,373,226,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HUA NGOC ANH MSSV 371703 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050035		2,160,000.00	3,375,386,469.00

14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN HOANG HAI MSSV 382658 NOP HOC PHI KY II 2015-2016	103NT01161050036		2,700,000.00	3,378,086,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI MAI HIEN CHUYEN TIEN DONG HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 LOP 3702 MSSV 370252	105NT01161050024		1,440,000.00	3,379,526,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HO TEN HOANG THI THU HA MSSV:392503 KHOA 39 LOP 3925 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161050012		2,880,000.00	3,382,406,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HO TEN: LE THI MAI HUONG LOP 3925 MSSV: 392524 KHOA 39 NT HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161050013		2,880,000.00	3,385,286,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI BICH NHUNG MSV: 371622 LOP: 3716 NOP TIEN HOC PHI HK2 NAM HOC 2016	124NT01161050023		900,000.00	3,386,186,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI MY LINH, MA SV 390518 LOP 3905- KHOA 39-NC:BUI MY LINH - Nguoi chuyen: BUI MY LINH	001CTD1161050646		2,520,000.00	3,388,706,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DO THI THAO MSV: 371341 LOP 3713 NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161050015		360,000.00	3,389,066,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI HOA MSSV 391847 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050038		3,060,000.00	3,392,126,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG VIET CHINH MSSV 391772	120NT01161050142		3,240,000.00	3,395,366,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRINH NGOC HUONG MSSV 393027	120NT01161050143		3,060,000.00	3,398,426,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HA THI THU MSSV 381060 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050040		3,600,000.00	3,402,026,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HO CONG HUY MSSV 382463	120NT01161050144		7,310,000.00	3,409,336,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU THI THU HUYEN MSSV 392641 HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050041		2,160,000.00	3,411,496,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN MANH HUNG MSSV 371124 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050042		1,620,000.00	3,413,116,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI MONG HANG MSSV: 392417 NTHP	120NT01161050145		2,160,000.00	3,415,276,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DO THI BICH NGOC MSSV: 392423 NTHP	120NT01161050146		2,160,000.00	3,417,436,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VU TRA MY MSSV: 382561 NTHP	120NT01161050147		6,450,000.00	3,423,886,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THU THUY MSSV 372251 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015_2016	124NT01161050024		1,800,000.00	3,425,686,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN KIEU TRANG MSSV: 380354 NTHP	120NT01161050148		3,600,000.00	3,429,286,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DO THI HA TRANG MSSV 391524	120NT01161050149		2,880,000.00	3,432,166,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN CONG GIANG MSV 392238 NT	120NT01161050150		3,600,000.00	3,435,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE VO LONG MSSV 360625 NT	120NT01161050151		2,520,000.00	3,438,286,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI HUONG MSV 392228	120NT01161050152		3,060,000.00	3,441,346,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THANH MSSV 390705	120NT01161050153		3,240,000.00	3,444,586,469.00

14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI BAN MSSV 390630 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161050043		2,880,000.00	3,447,466,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HO TEN: NGUYEN THI QUYNH ANH MSSV: 372665 NTHP	120NT01161050154		1,800,000.00	3,449,266,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LUU NGOC LIEN MSV 390560	120NT01161050155		3,060,000.00	3,452,326,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI LAN PHUONG MSSV 380943	120NT01161050156		3,240,000.00	3,455,566,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HOANG THI GIANG MSSV: 370467 NTHP	120NT01161050157		540,000.00	3,456,106,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DO NGOC LY MSSV: 370138 NTHP	120NT01161050158		1,800,000.00	3,457,906,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM THI HOA MSSV 390544	120NT01161050159		3,240,000.00	3,461,146,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN TRUC ANH MSSV: 362672 NTHP	120NT01161050160		1,620,000.00	3,462,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LY QUYNH NHU MSSV 390722	120NT01161050161		3,240,000.00	3,466,006,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HONG HANH MSSV: 372106 NTHP	120NT01161050162		1,800,000.00	3,467,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM THI QUYNH MSSV 392225	120NT01161050163		2,520,000.00	3,470,326,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN THI TUYET CHINH MSV: 390657 NTHP	120NT01161050164		3,600,000.00	3,473,926,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGO THI NGA MSSV: 390802 NTHP	120NT01161050165		3,240,000.00	3,477,166,469.00
14/04/2016	14/04/2016	TRAN MINH TRANG MSV:392253 NT HOC PHI KY 2	340NT02161050001		3,240,000.00	3,480,406,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN PHUONG ANH MSSV: 371210 NTHP	120NT01161050166		1,620,000.00	3,482,026,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DANG TIEU NGOC MSSV: 392907 NTHP	120NT01161050167		3,060,000.00	3,485,086,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI HIEN MSSV: 372107 NTHP	120NT01161050168		1,800,000.00	3,486,886,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAN THU HA MSSV: 391973 NTHP	120NT01161050169		2,880,000.00	3,489,766,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THUY DUONG MSSV: 380345 NTHP	120NT01161050170		3,240,000.00	3,493,006,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE NGOC QUYNH MSSV: 372217 NOP HOC PHI KI 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01161050172		1,800,000.00	3,494,806,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI PHUONG HOA MSSV:391967 NTHP	120NT01161050173		2,880,000.00	3,497,686,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NONG THI THUY VAN MSV: 391209 NOP HOC PHI	120NT01161050174		3,600,000.00	3,501,286,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN VIET TIEN MSSV: 371977 NOP HOC PHI	120NT01161050176		1,080,000.00	3,502,366,469.00
14/04/2016	14/04/2016	HANG A SU MSSV: 380307 NT	120NT01161050177		3,600,000.00	3,505,966,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE QUYET CHIEN MSSV: 390262 NTHP	120NT01161050179		2,880,000.00	3,508,846,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI NINH MSSV: 370356 NTHP	120NT01161050180		900,000.00	3,509,746,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN QUANG PHONG MSV372465 NT	120NT01161050181		1,800,000.00	3,511,546,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI NHUNG MSV 370550 NT	120NT01161050182		2,880,000.00	3,514,426,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM HAI BINH MSV 390955 NT HP	120NT01161050183		3,780,000.00	3,518,206,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN ANH DUC MSV 382103 NT	120NT01161050184		3,240,000.00	3,521,446,469.00

14/04/2016	14/04/2016	HOANG NGOC LINH MSV 370951 NT	120NT01161050185		540,000.00	3,521,986,469.00
14/04/2016	14/04/2016	CHU QUANG MANH MSV 382539 NT	120NT01161050186		2,700,000.00	3,524,686,469.00
14/04/2016	14/04/2016	BUI THI MINH GIANG MSSV 371226 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	103NT01161050044		3,780,000.00	3,528,466,469.00
14/04/2016	14/04/2016	ANZ REF IC 881894 HO TEN AI DA ADELYASSIN MSSV 392938~NC:THI PHUONG LAN LUU - Nguoi chuyen: THI PHUONG LAN LUU	500CTD1161050376		14,040,000.00	3,542,506,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM THI HONG LAN MSSV: 380942	120NT01161050188		3,240,000.00	3,545,746,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DAO THI DUYEN MSSV: 372741 NTHP	120NT01161050189		1,800,000.00	3,547,546,469.00
14/04/2016	14/04/2016	PHAM THI PHUONG ANH MSV 382211 NT	120NT01161050190		3,240,000.00	3,550,786,469.00
14/04/2016	14/04/2016	DINH VAN KIEN MSSV: 381827 NTHP	120NT01161050191		3,780,000.00	3,554,566,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NONG THI THANH THUY MSV 380516 NT	120NT01161050192		3,420,000.00	3,557,986,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI HAU MSV 380505 NT	120NT01161050193		3,420,000.00	3,561,406,469.00
14/04/2016	14/04/2016	VI THI HANG MSSV 392501 NT HP KY 2 NAM 2016	105NT01161050031		2,160,000.00	3,563,566,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI OANH MSSV 380220 NT HP	120NT01161050194		3,600,000.00	3,567,166,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LY THIEN HOA MSSV 380830 NOP HP	120NT01161050195		2,700,000.00	3,569,866,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI THAO LINH MSSV 371332	120NT01161050196		1,800,000.00	3,571,666,469.00
14/04/2016	14/04/2016	CAO THI LAN MSSV 371963 NOP HOC PHI KI II 2015-2016	103NT01161050045		720,000.00	3,572,386,469.00
14/04/2016	14/04/2016	NGUYEN THI KIEU TRANG MSSV 390554 NOP HOC PHI KI II (2015-2016): 14 TIN	103NT01161050046		2,520,000.00	3,574,906,469.00
14/04/2016	14/04/2016	LE THI HONG HANH MSSV 393008 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161050047		3,060,000.00	3,577,966,469.00
Cộng doanh số Total					780,280,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						3,577,966,469.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát